

VỀ LUẬN ĐIỂM SỬ DỤNG LẠM PHÁT ĐỂ TẠO VỐN, GIÚP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

PGS.TS. NGUYỄN ÁI ĐOÀN

Đại học Bách Khoa

Trong khi các quan điểm chính thống coi ổn định giá cả là điều kiện không thể thiếu cho tăng trưởng kinh tế, thì ở Việt Nam, một số người đang cố gắng khẳng định những lợi ích của lạm phát, trình bày khả năng tạo vốn qua phát hành, tăng thu ngân sách từ phát hành, sử dụng lạm phát để kích thích tăng trưởng kinh tế. Trong bài viết này, tác giả mong muốn trao đổi lại về những luận cứ khẳng định lợi ích của lạm phát mà một số người ủng hộ lạm phát đưa ra.

Việt Nam, khi chưa kịp làm quen một cách chính thức với kinh tế thị trường thì lạm phát (1986-1991) đã làm cho những đơn vị tiền tệ như tiền xu, tiền hào chỉ còn là những kỷ niệm. Khi chúng ta chưa kịp quên những gì đã xảy ra trong thời kỳ siêu lạm phát thì trong những gần đây, lạm phát lại trở thành vấn đề thời sự.

Theo các lý thuyết lạm phát hiện đại thì lạm phát cao, kéo dài luôn là hiện tượng tiền tệ và nguyên nhân duy nhất là do cung ứng quá nhiều tiền gây ra. Trong khi dân chúng ở tất cả các nước đều coi lạm phát là kẻ thù kinh tế số một, các chính phủ đều cam kết chống lạm phát, vậy tại sao lạm phát vẫn có thể xảy ra?

Việc tăng cung tiền của ngân hàng trung ương dẫn đến lạm phát có nhiều nguyên nhân, trong đó có trường hợp nó ở vào những tình thế nan giải, có khi là những toan tính chấp nhận lạm phát để đạt được các mục tiêu trước mắt, giải quyết những việc cấp bách và không loại trừ khả năng do có những "kỳ vọng" cho rằng có thể sử dụng lạm phát như một công cụ tăng vốn, đầu tư phát triển kinh tế.

Trong khi các quan điểm chính thống coi ổn định giá cả là điều kiện không thể thiếu cho tăng trưởng kinh tế, thì ở Việt Nam, một số người đang cố gắng khẳng định những lợi ích của lạm phát, trình bày khả năng tạo vốn qua phát hành, tăng thu ngân sách từ phát hành, sử dụng lạm phát để kích thích tăng trưởng kinh tế.

Quan điểm sử dụng lạm phát để tạo vốn, thúc đẩy tăng trưởng

Theo ông Vũ Ngọc Nhung, lạm phát có nhiều cái lợi lớn như: "Lạm phát tiền tệ tạo sức mua mới tiêu thụ hết số hàng hoá sản xuất thừa trong khủng hoảng kinh tế mà trước đây các nhà tư bản phải đổ xuống sông, xuống biển"

"Lạm phát tạo vốn lớn và cực rẻ cho phát triển kinh tế. Vốn phát hành tiền chỉ tốn chi phí in tiền nên cực rẻ".

"Lạm phát giúp ngân sách vay ngân hàng nhiều hơn để chi cho phát triển sản xuất, tăng thu nhập của người dân"¹.

Trong bài: "Để khắc phục nguy cơ tụt hậu", ông Hồ Ngọc Cẩn còn tính toán cụ thể lượng vốn tăng được nhờ phát hành từ số liệu phát triển kinh tế của Trung Quốc:

"Liệu Việt Nam ta có thể nâng mức tăng trưởng lên hai con số như Trung Quốc để xóa hẳn nguy cơ tụt hậu?... Tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc từ năm 1984-1994 bình quân là 21,29%, có năm như năm 1993 là 30,02%, 1994 là 34,58% do đã mạnh dạn tăng thêm lượng tiền lưu thông tới 23,95% bình quân năm, năm 1992 là 30,34% và năm 1993 là 43,08%. Tiền tăng nhiều nhưng chỉ số giá cả biểu hiện lạm phát chỉ có 11,63% bình quân năm mới gần bằng 1/2, cái lợi gấp đôi cái hại.

"Với lượng tiền phát hành thêm bình quân là 23,95% năm, Trung Quốc đã tạo ra được một số vốn 190,252 tỷ NDT hàng năm, tương đương 22,252 tỷ USD để tiếp vốn cho ngân hàng thương mại vay phát triển kinh tế. Số tiền đó trong suốt thời gian 1984-1994 là 1902,52 tỷ NDT tương đương 225,25 tỷ USD. Điều rất quan trọng đối với nước ta là liệu ta có thể chấp nhận tỷ lệ lạm phát hai con số để có tốc độ tăng trưởng hai con số nhằm khắc phục nguy cơ tụt hậu không?"²

Các nhà nghiên cứu trên khẳng định rằng, tăng phát hành tiền, lạm phát là tăng vốn cho nền kinh tế. Vốn phát hành tăng thêm được sử dụng để tăng đầu tư, tạo việc làm,... và do đó, giúp cho nền kinh tế phát triển nhanh. Đó là lợi ích to lớn của lạm phát.

Nếu lạm phát tăng được vốn cho nền kinh tế

và lạm phát 2 con số dẫn đến tăng trưởng 2 con số thì lợi ích của lạm phát quả là rất to lớn. Nhưng vấn đề là tăng phát hành tiền có phải là tăng vốn cho nền kinh tế hay không? Lạm phát 2 con số có dẫn đến tăng trưởng 2 con số hay không? (ở Việt Nam đã có thời kỳ lạm phát 3 con số và không ai hy vọng rằng nó sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế 3 con số).

Vốn đầu tư của nền kinh tế

Vốn là một khái niệm được sử dụng rộng rãi trong sách báo kinh tế cũng như trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh với ý nghĩa rất khác nhau. Khi nói doanh nghiệp cần vốn để kinh doanh, vốn ở đây thường được hiểu là tiền đầu tư, một lượng tiền vốn được huy động từ chủ doanh nghiệp hoặc đi vay, sử dụng cho hoạt động của doanh nghiệp. Tương ứng với lượng tiền vốn của doanh nghiệp là quyền được sử dụng một lượng tài sản, nguồn lực nhất định của nền kinh tế.

Nhưng khi xem xét nền kinh tế dưới góc độ vĩ mô thì vốn được hiểu là nguồn lực thực tế, lượng tài sản (nhà xưởng, máy móc thiết bị,...) mà nền kinh tế có được, là một phần tổng thu nhập không được sử dụng cho tiêu dùng mà được sử dụng để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ trong tương lai.

Từ tổng thu nhập của nền kinh tế, có thể phân chia thành thu nhập của các hộ gia đình và thu nhập của Chính phủ. Các gia đình, chính phủ chi tiêu và tiết kiệm phần thu nhập của mình. Theo đó, thu nhập có thể phân thành chi tiêu dùng và tiết kiệm, hoặc tiêu dùng và đầu tư. Nếu không tính đến vay nước ngoài thì vốn để đầu tư chỉ có thể từ tiết kiệm. Lấy ví dụ đơn giản về một gia đình, nếu không đi vay, khi lượng thu nhập được tiêu dùng hết, gia đình không có vốn để đầu tư, khi tiết kiệm được 500 triệu thì lượng vốn đầu tư tối đa là 500 triệu.

Nếu tính đến quan hệ kinh tế với nước ngoài thì tổng sản phẩm cuối cùng của nền

kinh tế được phân chia cho tiêu dùng bởi các hộ gia đình, chính phủ, phần còn lại tương ứng với tiết kiệm quốc dân là đầu tư trong nước và xuất khẩu ròng. Bảng dưới đây chỉ ra tỷ trọng tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu ròng theo GDP của một số nước:

Trong bảng 1, chỉ tiêu tiêu dùng trong nước của Đức năm 2004 là 78% GDP, tiết kiệm quốc dân là 22%, tổng đầu tư trong nước là 18% và 4% còn lại là đầu tư nước ngoài ròng (hoặc cán cân đối ngoại hàng hoá và dịch vụ). Ở Philip-pin, tổng đầu tư trong nước đúng bằng tiết kiệm quốc dân; ở Việt Nam, chúng ta đã đầu tư nhiều hơn lượng tiết kiệm có được và tương ứng đầu tư nước ngoài ròng (hoặc cán cân thương mại) là -8% (số âm).

Như vậy, chi tiêu dùng, đầu tư liên quan đến lượng hàng hoá, dịch vụ thực sản xuất ra và cán cân xuất-nhập khẩu (đầu tư nước ngoài ròng). Nếu xét cho nền kinh tế đóng (không có quan hệ kinh tế với nước ngoài) thì đầu tư đúng bằng tiết kiệm quốc dân. Nguồn vốn đầu tư chỉ có thể từ tiết kiệm. Việc phát hành tiền không có liên quan gì đến việc tạo vốn thực tế cho nền kinh tế; phát hành tiền chỉ ảnh hưởng đến lượng vốn đầu tư danh nghĩa chứ không phải vốn đầu tư thực tế. [ở đây, chúng ta bỏ qua tác động khác có thể xảy ra là lạm phát làm giảm thu nhập của những người có thu nhập thấp, không giữ tiết kiệm, dẫn đến mức tiêu dùng thấp hơn].

Để tăng vốn đầu tư của nền kinh tế, không có cách nào khác ngoài việc tăng tiết kiệm hoặc đi vay, kêu gọi đầu tư nước ngoài,...

Phát hành tiền

Khi phát hành, in tiền mới đưa vào lưu thông, ngân hàng trung ương đã biến những tờ giấy thông thường thành những tờ tiền thật 500 nghìn đồng, 100 nghìn đồng,... nhiều tờ gộp lại thành hàng tỷ đồng và điều này đã hấp dẫn không ít người. Liệu đó có phải là "vốn cực rẻ" và Chính phủ có thể sử dụng để đầu tư, các

Bảng 1. Chi tiêu dùng, đầu tư trong nước và cán cân thanh toán quốc tế về hàng hoá và dịch vụ của một số nước

Đơn vị tính: % GDP năm 2004

Tên nước	Chi tiêu dùng của các hộ gia đình	Chi tiêu dùng cuối cùng của Chính phủ	Tổng tích lũy tài sản (tổng đầu tư trong nước)	Cán cân đối ngoại hàng hoá và dịch vụ
Trung Quốc	42	12	45	1
Đức	59	19	18	4
Phillipin	73	10	17	0
Mỹ	71	15	18	-4
Việt Nam	66	7	35	-8
...	...	...	...	...

Nguồn: Ngân hàng thế giới: Báo cáo phát triển thế giới 2006; NXB Văn hoá- Thông tin, Hà Nội 2005 tr. 428-429.

Bảng 2. Tăng trưởng GDP thực tế và chỉ số giảm phát GDP của Trung Quốc

Giai đoạn	1971-80	1981-90	1991-00	2000-04*
Tỷ lệ tăng trưởng GDP thực tế bình quân; %/năm	6,2	9,3	10,1	8,7
Chỉ số giảm phát GDP bình quân; %/năm (1995=100)	0,9	5,4	6,3	2,0

Nguồn: The World Bank: *Global Economic Prospects*, 2004; tr. 280.

* Ngân hàng Thế giới: *Báo cáo phát triển thế giới 2006*; NXB Văn hoá- Thông tin, Hà Nội 2005 tr. 428.

ngân hàng thương mại có thể cho vay để đầu tư “khắc phục nguy cơ tụt hậu” hay không?

Trong trường hợp này, theo tôi, có thể “mượn” định luật bảo toàn năng lượng trong vật lý và phát biểu lại như sau: “Của cải không tự nhiên sinh ra và cũng không tự nhiên mất đi, chúng chỉ có thể chuyển từ túi người này sang túi người khác”. Toàn bộ sản lượng thực của nền kinh tế như thực phẩm, quần áo, giấy dép, máy móc thiết bị được sản xuất ra ở các doanh nghiệp. Thực phẩm, quần áo... được sử dụng cho tiêu dùng, máy móc, thiết bị... được sử dụng cho đầu tư. Ngân hàng trung ương không sản xuất ra máy móc thiết bị để tăng đầu tư. Nền kinh tế không phải sản xuất ảo thuật và ngân hàng trung ương không phải nhà ảo thuật, có thể biến không thành có, có thể biến những tờ giấy Polyme thành của cải thực sự. Ngân hàng trung ương phát hành thêm tiền không tạo thêm bất cứ một lượng vốn mới thực nào cho nền kinh tế.

In tiền để tạo nguồn thu cho ngân sách được coi như một dạng thuế lạm phát. Lạm phát chính là thuế đánh vào số tiền mọi người đang giữ. Vốn phát hành được lấy từ túi những người giữ tiền, nó không phải là vốn “cực rẻ”. Đồng tiền của ngân hàng trung ương là tài sản nợ. Vai trò của ngân hàng trung ương trong phát hành tiền là bảo đảm cho nền kinh tế một phương tiện lưu thông hàng hoá ổn định, an toàn chứ không trực tiếp tạo ra hàng hoá.

Tăng phát hành để tăng vốn đầu tư trong khu vực nhà nước, thông qua các doanh nghiệp nhà nước đồng nghĩa với việc giảm vốn đầu tư của khu vực phi nhà nước, khu vực tư nhân. Tổng vốn đầu tư thực tế không đổi.

Lạm phát và tăng trưởng của Trung Quốc

Để có bằng chứng thực tế, ông Hồ Ngọc Cẩn sử dụng các số liệu về phát triển kinh tế của Trung Quốc, cho rằng Trung Quốc đã chấp nhận lạm phát 2 con số để có tăng trưởng 2 con số (21,29%/năm), khắc phục được nguy cơ tụt hậu.

Trong đoạn trích dẫn ở trên, độc giả có thể thấy ông Hồ Ngọc Cẩn đặt ra câu hỏi rất đơn giản và rõ ràng: “liệu ta có thể chấp nhận tỷ lệ lạm phát hai con số để có tốc độ tăng trưởng

hai con số nhằm khắc phục nguy cơ tụt hậu không?”

Trong khi để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế người ta phải giải quyết hàng loạt công việc khó khăn như cải cách thể chế, tạo điều kiện cho cơ chế thị trường vận hành hiệu quả, đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, bảo vệ môi trường,... thì ông Cẩn đơn giản cho rằng chỉ cần chấp nhận lạm phát 2 con số sẽ có tăng trưởng 2 con số, chỉ cần ngân hàng trung ương chịu in thêm tiền, tạo nhiều vốn cho nền kinh tế!

Khi nói về thành công của Trung Quốc trong những năm qua, người ta nói đến thắng lợi của công cuộc cải cách kinh tế sâu rộng, toàn diện mà không nhắc đến việc Ngân hàng Trung ương Trung Quốc đã tạo ra được lượng vốn 22,252 tỷ USD trong 10 năm từ phát hành để đầu tư. Bên cạnh đó cũng cần phải đặt nghi vấn về số liệu mà tác giả đưa ra. Có thực là “Tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc từ năm 1984-1994 bình quân là 21,29%, “lạm phát chỉ có 11,63% ” hay không?

Bảng 2 là số liệu tổng quát về tăng trưởng GDP và tỷ lệ giảm phát GDP của Trung Quốc do Ngân hàng Thế giới đưa ra.

Số liệu từ các nguồn khác nhau có thể khác do cách thu thập và xử lý số liệu khác nhau, tuy nhiên, không thể khác xa đến mức khẳng định tăng trưởng của Trung Quốc bình quân 21,29%/ năm.

Trung Quốc có tốc độ phát triển kinh tế rất cao, liên tục trong nhiều năm qua, trong đó, nếu nói đến phần đóng góp của Ngân hàng Trung ương Trung Quốc thì đó phải là giữ ổn định giá cả chứ không phải sử dụng lạm phát để tăng vốn cho nền kinh tế.

Tóm lại, những kỳ vọng về sử dụng lạm phát để tạo vốn cho nền kinh tế là không có cơ sở và cái gọi là chứng cứ thực tế về trường hợp của Trung Quốc là không đáng tin cậy■.

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Ngọc Nhung: *Lý thuyết tiền tệ, kiểm chứng qua lịch sử tiền tệ Việt Nam* (Bản thảo)
2. Hồ Ngọc Cẩn: Để khắc phục nguy cơ tụt hậu h <http://www1.mot.gov.vn/Ven/Vbdetail>.